

TỜ TRÌNH

**Về việc ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất
giống cây trồng, vật nuôi trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2016-2020**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

Giống cây trồng, vật nuôi có vai trò rất quan trọng trong sản xuất nông nghiệp; việc nghiên cứu, sản xuất, chọn, tạo giống cây trồng, vật nuôi chuyển giao trên diện rộng, không chỉ nâng cao năng suất, chất lượng, rút ngắn thời gian chăm sóc, giảm bớt chi phí sản xuất, nâng cao thu nhập cho nông dân mà còn tạo nên ưu thế vững chắc, chủ động về giống trong sản xuất nông nghiệp và giảm nhập khẩu giống từ nước ngoài...

Giai đoạn 2011-2015, tỉnh ta đã ban hành một số cơ chế, chính sách hỗ trợ nghiên cứu, sản xuất giống cây trồng, vật nuôi, như: Cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất hạt giống lúa lai F1, hỗ trợ giống gốc vật nuôi; vì vậy, công tác nghiên cứu, sản xuất và chuyển giao giống cây trồng, vật nuôi trên địa bàn tỉnh đã có nhiều tiến bộ; đã chọn tạo, du nhập được nhiều giống mới có năng suất cao, chất lượng tốt, bổ sung vào cơ cấu giống cây trồng, vật nuôi của tỉnh và được nhân rộng trong sản xuất đại trà; góp phần chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi và nâng cao giá trị sản xuất cho người nông dân. Tuy nhiên, công tác giống phục vụ sản xuất nông nghiệp của tỉnh vẫn còn nhiều hạn chế, hoạt động nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất giống chưa tương xứng tiềm năng, chưa đáp ứng nhu cầu thị trường; công nghệ sản xuất giống chủ yếu vẫn là thủ công, lạc hậu... Mặt khác, các cơ chế, chính sách về giống hiện nay chỉ có hiệu lực đến hết năm 2015 và mới hỗ trợ sản xuất giống trong lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi.

Để thực hiện thắng lợi Nghị quyết số 16-NQ/TU ngày 20/4/2015 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về Tái cơ cấu nông nghiệp đến năm 2020, định hướng đến 2025 theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, khả năng cạnh tranh và phát triển bền vững; Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất giống cây trồng, vật nuôi trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2016-2020, như sau:

I. NỘI DUNG CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH

1. Hỗ trợ nghiên cứu, chọn tạo giống cây trồng mới (lúa lai F1, lúa thuần chất lượng, ngô, mía)

1.1. Đối tượng, điều kiện hỗ trợ:

Hỗ trợ tổ chức (doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, đơn vị sự nghiệp), trang trại, hộ gia đình, cá nhân nghiên cứu, chọn tạo thành công các loại giống

cây trồng mới trên địa bàn tỉnh, gồm: lúa lai F1, lúa thuần chất lượng, ngô, mía đảm bảo đủ các điều kiện sau:

- Được Bộ Nông nghiệp và PTNT công nhận chính thức, được phép sản xuất kinh doanh trên địa bàn ít nhất thuộc khu vực Bắc Trung bộ.
- Nằm trong cơ cấu bộ giống cây trồng chủ lực của tỉnh.
- Có hợp đồng hoặc phương án tiêu thụ giống.

1.2. Nội dung và mức hỗ trợ:

Hỗ trợ nghiên cứu, chọn tạo giống cây trồng mới:

- Giống lúa lai F1: 700 triệu đồng/01 giống.
- Giống lúa thuần chất lượng: 500 triệu đồng/01 giống.
- Giống ngô: 500 triệu đồng/01 giống.
- Giống mía: 300 triệu đồng/01 giống.

2. Hỗ trợ sản xuất hạt giống lúa lai F1 và giống lúa thuần chất lượng

2.1. Đối tượng, điều kiện hỗ trợ:

Tổ chức sự nghiệp, doanh nghiệp, hợp tác xã đầu tư hoặc liên kết sản xuất hạt giống lúa lai F1, giống lúa thuần chất lượng trong vùng quy hoạch sản xuất của tỉnh, đảm bảo đủ các điều kiện sau:

- Có dự án đầu tư hoặc kế hoạch sản xuất được Ủy ban nhân dân huyện chấp thuận.
- Các giống lúa lai F1, giống lúa thuần chất lượng phải thuộc cơ cấu bộ giống chủ lực của tỉnh.
- Giống bố mẹ có nguồn gốc rõ ràng, được cơ quan có thẩm quyền chứng nhận.
- Có hợp đồng hoặc phương án tiêu thụ hạt giống.
- Có hợp đồng kiểm soát chất lượng với đơn vị có thẩm quyền theo quy định.
- Diện tích sản xuất hạt giống lúa lai F1 từ 15 ha/giống/vụ trở lên; sản xuất lúa thuần chất lượng từ 20 ha/giống/vụ trở lên.

2.2. Nội dung và mức hỗ trợ:

- Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ mua giống bố mẹ, hóa chất, chi phí thuê chuyên gia, chi phí bảo quản hạt giống.
- Mức hỗ trợ: 10 triệu đồng/ha/vụ đối với sản xuất hạt giống lúa lai F1; 4 triệu đồng/ha/vụ đối với sản xuất giống lúa thuần chất lượng.

3. Hỗ trợ sản xuất giống mía có năng suất và chữ đường cao

3.1. Đối tượng, điều kiện hỗ trợ:

Hỗ trợ các Công ty mía đường trên địa bàn tỉnh du nhập, khảo nghiệm giống mía mới và thực hiện việc sản xuất giống mía mới phục vụ sản xuất đại trà, đảm bảo đủ các điều kiện sau:

- Các giống mía nguyên liệu mới du nhập là giống được phép sản xuất kinh doanh theo quy định của Bộ Nông nghiệp và PTNT; được du nhập và khảo nghiệm sinh thái trên địa bàn tỉnh ít nhất 1 vụ sản xuất, có năng suất từ 120 tấn/ha trở lên, chữ đường từ 12 CCS trở lên.

- Thực hiện việc sản xuất giống mía bằng phương pháp nuôi cấy mô (Invitro) với diện tích sản xuất mỗi giống ít nhất 10 ha (tương đương 350.000 cây giống).

- Có hợp đồng sử dụng giống với các chủ trang trại trồng mía.

3.2. Nội dung và mức hỗ trợ:

- Hỗ trợ du nhập, mua giống, khảo nghiệm sinh thái các giống mía có năng suất và chữ đường cao: 200 triệu đồng/giống.

- Hỗ trợ sản xuất giống mía bằng phương pháp nuôi cấy mô bắt đầu từ lấy mẫu đến khi đưa cây mía ra ruộng sản xuất giống mía thương phẩm (ký hiệu từ cây mía G0 sản xuất ra cây giống G1): 1.000 đồng/cây.

4. Hỗ trợ giống gốc vật nuôi

4.1. Đối tượng, điều kiện hỗ trợ:

Hỗ trợ tổ chức (doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác), trang trại, hộ gia đình, cá nhân chăn nuôi lợn nái ngoại sinh sản cấp ông, bà và gia cầm giống gốc (gà lông màu, vịt, ngan pháp) trên địa bàn tỉnh, đáp ứng các yêu cầu của cơ sở nuôi giữ giống theo quy định, được đặt hàng sản xuất và cung ứng giống theo qui định tại Thông tư liên tịch số 148/2007/TTLT/BTC-BNN&PTNT ngày 13/12/2007 của Bộ Tài chính và Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc hướng dẫn chế độ đặt hàng sản xuất và cung ứng sản phẩm giống gốc vật nuôi.

4.2. Nội dung và mức hỗ trợ:

- Đối với đàn lợn nái ngoại hướng nạc đạt tiêu chuẩn phẩm cấp giống ông, bà theo quy định của nhà nước, có quy mô/trang trại, gia trại/cơ sở chăn nuôi từ 50 con trở lên, thì được hỗ trợ 1,8 triệu đồng/nái/năm.

- Đối với đàn gia cầm giống gốc (gà, vịt, ngan) đạt tiêu chuẩn giống theo quy định của nhà nước, có quy mô/trang trại, gia trại/cơ sở chăn nuôi từ 2.000 gà mái sinh sản, 4.000 vịt mái sinh sản và 500 ngan Pháp mái sinh sản, được hỗ trợ:

+ Hỗ trợ nuôi 01 con gà mái lông màu giống gốc sinh sản 41.000 đồng/gà mái/năm.

+ Hỗ trợ nuôi 01 con vịt mái giống gốc sinh sản 49.000 đồng/vịt mái/năm.

+ Hỗ trợ nuôi 01 con ngan Pháp mái giống gốc sinh sản 124.000 đồng/ngan Pháp mái/năm.

5. Hỗ trợ du nhập, chọn lọc, nuôi dưỡng, tuyển chọn cá chép, cá rô phi bố mẹ thuần chủng để sản xuất giống có năng suất, chất lượng

5.1. Đối tượng, điều kiện hỗ trợ:

Hỗ trợ tổ chức (doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, đơn vị sự nghiệp), trang trại, hộ gia đình, cá nhân sản xuất giống thủy sản nước ngọt (cá chép, cá rô phi) trên bàn tỉnh, đảm bảo đủ các điều kiện sau:

- Có dự án đầu tư hoặc kế hoạch sản xuất được UBND huyện chấp thuận.
- Giống bố mẹ phải có nguồn gốc rõ ràng, được cơ quan có thẩm quyền chứng nhận, có hóa đơn bán hàng theo quy định của Bộ Tài chính.
- Đáp ứng yêu cầu các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia: QCVN 02-15: 2009/BNNT: Cơ sở sản xuất giống thủy sản - điều kiện an toàn thực phẩm, an toàn sinh học và môi trường; QCVN 01-81: 2011/BNNT: Cơ sở sản xuất, kinh doanh thủy sản giống - điều kiện vệ sinh thú y; TCVN 9586: 2014 – Cá nước ngọt – Yêu cầu kỹ thuật.
- Quy mô của cơ sở sản xuất giống cá chép 20 triệu cá bột/năm, tương đương với 700 kg cá bố mẹ, với diện tích tối thiểu 01 ha.
- Quy mô công suất của cơ sở sản xuất giống cá rô phi 5 triệu cá bột/năm trở lên, tương đương với 2.000 kg cá bố mẹ, với diện tích tối thiểu 01 ha.
- Phải thực hiện duy trì đàn cá hậu bị để thường xuyên bổ sung đàn cá bố mẹ; sản xuất và cung cấp giống lai có chất lượng cho người nuôi.

5.2. Nội dung và mức hỗ trợ:

- Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ một lần chi phí mua cá giống bố mẹ thuần chủng, chi phí chăm sóc nuôi dưỡng (gồm: chi phí mua thức ăn, phòng trừ dịch bệnh, quản lý môi trường ao nuôi, tuyển chọn cá bố mẹ đạt tiêu chuẩn ngành).
- Mức hỗ trợ:
 - + Hỗ trợ cá chép bố mẹ: 160 triệu đồng/tấn.
 - + Hỗ trợ cá rô phi bố mẹ: 200 triệu đồng/tấn.

II. NHU CẦU KINH PHÍ HỖ TRỢ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH

1. Nhu cầu kinh phí hỗ trợ

Tổng nhu cầu kinh phí giai đoạn 2016-2020 là: 103.350 triệu đồng, trong đó: Năm 2016: 16.430 triệu đồng, năm 2017: 18.020 triệu đồng, năm 2018: 20.500 triệu đồng, năm 2019: 23.400 triệu đồng, năm 2020: 25.000 triệu đồng. Cụ thể như sau:

TT	Nội dung	2016	2017	2018	2019	2020	Tổng
	Tổng cộng	16.430	18.020	20.500	23.400	25.400	103.350
1	Hỗ trợ nghiên cứu, chọn tạo các giống cây trồng mới	500	300	1.200	1.500	2.300	5.800
-	Giống lúa lai F1			700	700	700	2.100

TT	Nội dung	2016	2017	2018	2019	2020	Tổng
-	Giống lúa thuần chất lượng	500		500	500	500	2.000
-	Giống ngô					500	500
-	Giống mía		300		300	600	1.200
2	Hỗ trợ sản xuất hạt giống lúa lai F1 và giống lúa thuần chất lượng	10.050	10.800	11.700	13.100	14.000	59.650
-	Sản xuất giống lúa F1	7.650	8.000	8.500	9.500	10.000	43.650
-	Sản xuất giống lúa thuần chất lượng	2.400	2.800	3.200	3.600	4.000	16.000
3	Hỗ trợ sản xuất giống mía có năng suất và chữ đường cao	1.600	2.400	3.400	4.600	4.900	16.900
-	Du thập, mua giống, khảo nghiệm sinh thái các giống mía có năng suất và chữ đường cao	1.600	400	400	600	600	3.600
-	Sản xuất giống mía bằng phương pháp nuôi cấy mô		2.000	3.000	4.000	4.300	13.300
4	Hỗ trợ giống gốc vật nuôi	3.400	3.400	3.400	3.400	3.400	17.000
-	Lợn nái ông bà	3.060	3.060	3.060	3.060	3.060	15.300
-	Đàn gà mái giống gốc	82	82	82	82	82	410
-	Đàn vịt mái giống gốc	196	196	196	196	196	980
-	Đàn ngan mái giống gốc	62	62	62	62	62	310
5	Hỗ trợ du nhập, chọn lọc, nuôi dưỡng đàn cá chép, cá rô phi bố mẹ thuần chủng	880	1120	800	800	400	4.000

(Có biểu chi tiết kèm theo)

2. Nguồn kinh phí: Từ nguồn sự nghiệp kinh tế phân bổ hàng năm của ngân sách tỉnh.

3. Thời gian thực hiện: 5 năm, tính từ 01/01/2016 đến 31/12/2020.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm của các cấp, các ngành

- Sở Nông nghiệp và PTNT:

+ Hướng dẫn, chỉ đạo Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, hàng năm xây dựng kế hoạch số lượng và dự toán kinh phí, gửi về Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Tài chính. Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao kế hoạch số lượng và kinh phí hỗ trợ cho từng huyện, thị xã, thành phố.

+ Phối hợp với Sở Tài chính hướng dẫn, chỉ đạo, theo dõi, kiểm tra và tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện chính sách theo quy định.

- Sở Tài chính:

+ Hàng năm, trên cơ sở kế hoạch số lượng và dự toán kinh phí của từng huyện, thị xã, thành phố, tổng hợp, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kinh phí; thông báo bổ sung dự toán có mục tiêu cho ngân sách các huyện, thị xã, thành phố khi có quyết định phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh để các huyện, thị xã, thành phố chủ động triển khai thực hiện; tổng hợp quyết toán chính sách trên địa bàn tỉnh; tham mưu, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

+ Phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn, chỉ đạo, theo dõi, kiểm tra và tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện chính sách theo quy định.

- UBND các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm

+ Căn cứ Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh giao kế hoạch số lượng và kinh phí hỗ trợ hàng năm; UBND huyện tổ chức triển khai và chỉ đạo thực hiện tốt kế hoạch được giao.

+ Thực hiện tiếp nhận và quyết định chi trả tiền ngân sách hỗ trợ theo đúng nội dung cơ chế, chính sách; đúng đối tượng, tránh để thất thoát tiền vốn của nhà nước. Chịu trách nhiệm tổng hợp, báo cáo quyết toán kinh phí gửi Sở Tài chính và Sở Nông nghiệp và PTNT. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ quyết toán và báo cáo tổng hợp theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

+ Có trách nhiệm phối hợp và tạo mọi điều kiện thuận lợi để các cấp, các ngành có liên quan kiểm tra, giám sát việc thực hiện cơ chế, chính sách trên địa bàn.

+ Chỉ đạo các phòng, ban liên quan kiểm tra, cấp kinh phí và quyết toán kinh phí hàng năm, tổng hợp quyết toán, gửi báo cáo tổng hợp về Sở Tài chính và Sở Nông nghiệp và PTNT.

- Đài Phát thanh - Truyền hình, Báo Thanh Hóa, các cơ quan thông tin đại chúng, các tổ chức chính trị - xã hội tuyên truyền thường xuyên, sâu rộng để các địa phương, đơn vị, nhân dân biết, tổ chức thực hiện có hiệu quả chính sách này.

2. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân hoạt động sản xuất, kinh doanh được nhà nước hỗ trợ

Tổ chức thực hiện sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật. Quản lý, sử dụng kinh phí được hỗ trợ đảm bảo đúng mục đích, hiệu quả và thanh toán, quyết toán theo đúng quy định hiện hành.

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết nghị./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TTr: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Các ủy viên UBND tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, NN (A328)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH



Nguyễn Đình Xứng

SẢN XUẤT GIỐNG CÂY TRỒNG, VẬT NUÔI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH, GIAI ĐOẠN 2016-2020
 (theo Quyết định 129/TTTr-UBND ngày 04/12/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Nội dung	2016			2017		2018		2019		2020		Tổng	
		ĐVT	Khối lượng	Kinh phí	Khối lượng	Kinh phí	Khối lượng	Kinh phí	Khối lượng	Kinh phí	Khối lượng	Kinh phí	Khối lượng	Kinh phí
	Tổng cộng			15.950		18.180		20.820		23.400		25.000		103.350
1	Hỗ trợ nghiên cứu, chọn tạo các giống cây trồng mới			500		300		1.200		1.500		2.300		5.800
-	Giống lúa lai F1	giống					1	700	1	700	1	700	3	2.100
-	Giống lúa thuần chất lượng	giống	1	500			1	500	1	500	1	500	4	2.000
-	Giống ngô	giống									1	500	1	500
-	Giống mía	giống			1	300			1	300	2	600	4	1.200
2	Hỗ trợ sản xuất hạt giống lúa lai F1 và giống lúa thuần chất lượng			10.050		10.800		11.700		13.100		14.000		59.650
-	Sản xuất giống lúa F1	ha	765	7.650	800	8.000	850	8.500	950	9.500	1.000	10.000	4.365	43.650
-	Sản xuất giống lúa thuần chất lượng	ha	600	2.400	700	2.800	800	3.200	900	3.600	1.000	4.000	4.000	16.000
3	Hỗ trợ sản xuất giống mía có năng suất và chữ đường cao			1.600		2.400		3.400		4.600		4.900		16.900
-	Du thập, mua giống, khảo nghiệm sinh thái các giống mía có năng suất và chữ đường cao	giống	8	1.600	2	400	2	400	3	600	3	600	18	3.600
-	Sản xuất giống mía bằng phương pháp nuôi cấy mô	1000 cây			2.000	2.000	3.000	3.000	4.000	4.000	4.300	4.300	13.300	13.300
4	Hỗ trợ giống gốc vật nuôi			3.400		3.400		3.400		3.400		3.400		17.000
-	Lợn nái ông bà	con	1.700	3.060	1.700	3.060	1.700	3.060	1.700	3.060	1.700	3.060	8.500	15.300
-	Đàn gà mái giống gốc	con	2.000	82	2.000	82	2.000	82	2.000	82	2.000	82	10.000	410
-	Đàn vịt mái giống gốc	con	4.000	196	4.000	196	4.000	196	4.000	196	4.000	196	20.000	980
-	Đàn ngan mái giống gốc	con	500	62	500	62	500	62	500	62	500	62	2.500	310
5	Hỗ trợ du nhập, chọn lọc, nuôi dưỡng đàn cá chép, cá rô phi bố mẹ thuần chủng			400		1.280		1.120		800		400		4.000
-	Cá chép	tấn			3	480	2	320					5	800
-	Cá rô phi	tấn	2	400	4	800	4	800	4	800	2	400	16	3.200

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /2015/NQ-HĐND

Thanh Hoá, ngày tháng 12 năm 2015

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

**Về việc ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất
giống cây trồng, vật nuôi trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2016-2020**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ
KHOÁ XVI, KỲ HỌP THỨ 15**

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Pháp lệnh Giống cây trồng 15/2004/PL-UBNTVQH11 ngày 24/3/2004 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Pháp lệnh Giống vật nuôi 16/2004/PL-UBTVQH11 ngày 24/3/2004 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05/8/2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về nông nghiệp, nông dân, nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 2194/QĐ-TTg ngày 25/12/2009 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt đề án phát triển giống cây nông, lâm nghiệp, giống vật nuôi và giống thủy sản đến năm 2020;

Sau khi xem xét Tờ trình số 129/TTr-UBND ngày 04/12/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hoá; Báo cáo thẩm tra số /BC-HĐND ngày /12/2015 của Ban Kinh tế và Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Tán thành Tờ trình số 129/TTr-UBND ngày 04/12/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hoá về việc ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất giống cây trồng, vật nuôi trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2016-2020 với các nội dung sau:

1. Hỗ trợ nghiên cứu, chọn tạo giống cây trồng mới (lúa lai F1, lúa thuần chất lượng, ngô, mía)

a) Đối tượng, điều kiện hỗ trợ:

Hỗ trợ tổ chức (doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, đơn vị sự nghiệp), trang trại, hộ gia đình, cá nhân nghiên cứu, chọn tạo thành công các loại giống cây trồng mới trên địa bàn tỉnh, gồm: lúa lai F1, lúa thuần chất lượng, ngô, mía đảm bảo đủ các điều kiện sau:

- Được Bộ Nông nghiệp và PTNT công nhận chính thức, được phép sản xuất kinh doanh trên địa bàn ít nhất thuộc khu vực Bắc Trung bộ.

- Nằm trong cơ cấu bộ giống cây trồng chủ lực của tỉnh.

- Có hợp đồng hoặc phương án tiêu thụ giống.

b) Nội dung và mức hỗ trợ:

Hỗ trợ nghiên cứu, chọn tạo giống cây trồng mới:

- Giống lúa lai F1: 700 triệu đồng/01 giống.

- Giống lúa thuần chất lượng: 500 triệu đồng/01 giống.

- Giống ngô: 500 triệu đồng/01 giống.

- Giống mía: 300 triệu đồng/01 giống.

2. Hỗ trợ sản xuất hạt giống lúa lai F1 và giống lúa thuần chất lượng

a) Đối tượng, điều kiện hỗ trợ:

Tổ chức sự nghiệp, doanh nghiệp, hợp tác xã đầu tư hoặc liên kết sản xuất hạt giống lúa lai F1, giống lúa thuần chất lượng trong vùng quy hoạch sản xuất của tỉnh, đảm bảo đủ các điều kiện sau:

- Có dự án đầu tư hoặc kế hoạch sản xuất được Ủy ban nhân dân huyện chấp thuận.

- Các giống lúa lai F1, giống lúa thuần chất lượng phải thuộc cơ cấu bộ giống chủ lực của tỉnh.

- Giống bố mẹ có nguồn gốc rõ ràng, được cơ quan có thẩm quyền chứng nhận.

- Có hợp đồng hoặc phương án tiêu thụ hạt giống.

- Có hợp đồng kiểm soát chất lượng với đơn vị có thẩm quyền theo quy định.

- Diện tích sản xuất hạt giống lúa lai F1 từ 15 ha/giống/vụ trở lên; sản xuất lúa thuần chất lượng từ 20 ha/giống/vụ trở lên.

b) Nội dung và mức hỗ trợ:

- Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ mua giống bố mẹ, hóa chất, chi phí thuê chuyên gia, chi phí bảo quản hạt giống.

- Mức hỗ trợ: 10 triệu đồng/ha/vụ đối với sản xuất hạt giống lúa lai F1; 4 triệu đồng/ha/vụ đối với sản xuất giống lúa thuần chất lượng.

3. Hỗ trợ sản xuất giống mía có năng suất và chữ đường cao

a) Đối tượng, điều kiện hỗ trợ:

Hỗ trợ các Công ty mía đường trên địa bàn tỉnh du nhập, khảo nghiệm giống mía mới và thực hiện việc sản xuất giống mía mới phục vụ sản xuất đại trà, đảm bảo đủ các điều kiện sau:

- Các giống mía nguyên liệu mới du nhập là giống được phép sản xuất kinh doanh theo quy định của Bộ Nông nghiệp và PTNT; được du nhập và khảo

nghiệm sinh thái trên địa bàn tỉnh ít nhất 1 vụ sản xuất, có năng suất từ 120 tấn/ha trở lên, chữ đường từ 12 CCS trở lên.

- Thực hiện việc sản xuất giống mía bằng phương pháp nuôi cấy mô (Invitro) với diện tích sản xuất mỗi giống ít nhất 10 ha (tương đương 350.000 cây giống).

- Có hợp đồng sử dụng giống với các chủ trang trại trồng mía.

b) Nội dung và mức hỗ trợ:

- Hỗ trợ du thập, mua giống, khảo nghiệm sinh thái các giống mía có năng suất và chữ đường cao: 200 triệu đồng/giống.

- Hỗ trợ sản xuất giống mía bằng phương pháp nuôi cấy mô bắt đầu từ lấy mẫu đến khi đưa cây mía ra ruộng sản xuất giống mía thương phẩm (ký hiệu từ cây mía G0 sản xuất ra cây giống G1): 1.000 đồng/cây.

4. Hỗ trợ giống gốc vật nuôi

a) Đối tượng, điều kiện hỗ trợ:

Hỗ trợ tổ chức (doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác), trang trại, hộ gia đình, cá nhân chăn nuôi lợn nái ngoại sinh sản cấp ông, bà và gia cầm giống gốc (gà lông màu, vịt, ngan pháp) trên địa bàn tỉnh, đáp ứng các yêu cầu của cơ sở nuôi giữ giống theo quy định, được đặt hàng sản xuất và cung ứng giống theo quy định tại Thông tư liên tịch số 148/2007/TTLT/BTC-BNN&PTNT ngày 13/12/2007 của Bộ Tài chính và Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc hướng dẫn chế độ đặt hàng sản xuất và cung ứng sản phẩm giống gốc vật nuôi.

b) Nội dung và mức hỗ trợ:

- Đối với đàn lợn nái ngoại hướng nạc đạt tiêu chuẩn phẩm cấp giống ông, bà theo quy định của nhà nước, có quy mô/trang trại, gia trại/cơ sở chăn nuôi từ 50 con trở lên, thì được hỗ trợ 1,8 triệu đồng/nái/năm.

- Đối với đàn gia cầm giống gốc (gà, vịt, ngan) đạt tiêu chuẩn giống theo quy định của nhà nước, có quy mô/trang trại, gia trại/cơ sở chăn nuôi từ 2.000 gà mái sinh sản, 4.000 vịt mái sinh sản và 500 ngan Pháp mái sinh sản, được hỗ trợ:

- + Hỗ trợ nuôi 01 con gà mái lông màu giống gốc sinh sản 41.000 đồng/gà mái/năm.

- + Hỗ trợ nuôi 01 con vịt mái giống gốc sinh sản 49.000 đồng/vịt mái/năm.

- + Hỗ trợ nuôi 01 con ngan Pháp mái giống gốc sinh sản 124.000 đồng/ngan Pháp mái/năm.

5. Hỗ trợ du nhập, chọn lọc, nuôi dưỡng, tuyển chọn cá chép, cá rô phi bố mẹ thuần chủng để sản xuất giống có năng suất, chất lượng

a) Đối tượng, điều kiện hỗ trợ:

Hỗ trợ tổ chức (doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, đơn vị sự nghiệp), trang trại, hộ gia đình, cá nhân sản xuất giống thủy sản nước ngọt (cá chép, cá rô phi) trên bản tỉnh, đảm bảo đủ các điều kiện sau:

- Có dự án đầu tư hoặc kế hoạch sản xuất được UBND huyện chấp thuận.
- Giống bố mẹ phải có nguồn gốc rõ ràng, được cơ quan có thẩm quyền chứng nhận, có hóa đơn bán hàng theo quy định của Bộ Tài chính.
- Đáp ứng yêu cầu các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia: QCVN 02-15: 2009/BNNT: Cơ sở sản xuất giống thủy sản - điều kiện an toàn thực phẩm, an toàn sinh học và môi trường; QCVN 01-81: 2011/BNNT: Cơ sở sản xuất, kinh doanh thủy sản giống - điều kiện vệ sinh thú y; TCVN 9586: 2014 – Cá nước ngọt – Yêu cầu kỹ thuật.
- Quy mô của cơ sở sản xuất giống cá chép 20 triệu cá bột/năm, tương đương với 700 kg cá bố mẹ, với diện tích tối thiểu 01 ha.
- Quy mô công suất của cơ sở sản xuất giống cá rô phi 5 triệu cá bột/năm trở lên, tương đương với 2.000 kg cá bố mẹ, với diện tích tối thiểu 01 ha.
- Phải thực hiện duy trì đàn cá hậu bị để thường xuyên bổ sung đàn cá bố mẹ; sản xuất và cung cấp giống lai có chất lượng cho người nuôi.

b) Nội dung và mức hỗ trợ:

- Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ một lần chi phí mua cá giống bố mẹ thuần chủng, chi phí chăm sóc nuôi dưỡng (gồm: chi phí mua thức ăn, phòng trừ dịch bệnh, quản lý môi trường ao nuôi, tuyển chọn cá bố mẹ đạt tiêu chuẩn ngành).

- Mức hỗ trợ:

+ Hỗ trợ cá chép bố mẹ: 160 triệu đồng/tấn.

+ Hỗ trợ cá rô phi bố mẹ: 200 triệu đồng/tấn.

6. Nguồn kinh phí thực hiện chính sách: Từ nguồn sự nghiệp kinh tế phân bổ hàng năm của ngân sách tỉnh.

7. Thời gian thực hiện: 5 năm, tính từ 01/01/2016 đến 31/12/2020.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ Nghị quyết này và các quy định hiện hành của pháp luật, quy định cụ thể và tổ chức thực hiện, định kỳ báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh.

Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khoá XVI, Kỳ họp thứ 15 thông qua ngày tháng 12 năm 2015./.

Nơi nhận:

- Văn phòng: QH, CTN, CP;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Thường trực: Tỉnh uỷ, HĐND, UBND tỉnh;
- Đại biểu QH, đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: Tỉnh uỷ, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ và các Đoàn thể cấp tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- TTr HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Trịnh Văn Chiến